

Một số chỉ tiêu Kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Tháng 12 năm 2020	Lũy kế 12 tháng năm 2020	Tháng 12 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%),(+/-)	Lũy kế 12 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%),(+/-)
1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	104,30	90,84	4,3	-9,16
- Khai khoáng	"	35,41	62,55	-64,59	-37,45
- CN chế biến, chế tạo	"	125,64	105,31	25,64	5,31
- Sản xuất và phân phối điện	"	107,67	95,41	7,67	-4,59
- Cung cấp nước, quản lý, xử lý rác thải	"	97,95	101,03	-2,05	1,03
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	924,0	8.918,4	14,27	6,24
3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác	"	257,4	2.312,0	6,40	-8,30
4. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng	66,1	611,5	13,06	-3,95
5. Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1.000 Tấn	265	2.494	14,96	0,11
6. Khối lượng hàng hóa luân chuyển	1.000/ Km	11.811	112.506	15,29	0,37
7. Số lượt hành khách vận chuyển	1.000 HK	295	2.691	8,97	-10,34
8. Số lượt hành khách luân chuyển	1.000 HK/ Km	43.573	394.483	8,23	-11,63
9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	%	98,76	x	-1,24	x
10. CPI tháng 12/2020 so tháng 11/2020	"	100,07	x	0,07	x
11. CPI tháng 12/2020 so với kỳ gốc 2019	"	101,63	x	1,63	x
12. Chỉ số giá vàng tháng 12/2020 so tháng 11/2020	"	99,82	x	-0,18	x
13. Chỉ số giá Đôla Mỹ tháng 12/2020 so tháng 11/2020	"	99,80	x	-0,20	x